TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CAI LẬY** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **115**/2023/DS-ST
Ngày: 14/7/2023
V/v" tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAI LẬY TỈNH TIỀN GIANG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa: Bà NGUYỄN KIM NGỌC.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông NGUYỄN VĂN HIỀN

2. Bà NGUYỄN THỊ KIM HẠNH

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông CHIÊM HẢI ÂN – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy.

- ***Đại diện VKSND huyện Cai Lậy tham gia phiên tòa:*** Bà NGUYỄN NGỌC TRINH- *kiểm sát viên.*

Ngày 14 tháng 7 năm 2023 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Cai Lậy xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 492/2022/TLST-DS ngày 10 tháng 10 năm 2022 về việc: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 120/2023/QĐXXST-DS ngày 07 tháng 6 năm 2023, giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn***: Anh **Nguyễn Q D**, sinh năm 1998.

Địa chỉ: Ấp , xã C S, huyện C L, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện ủy quyền: Anh Nguyễn Văn Lực, sinh năm 1992. (có mặt)

Địa chỉ: Ấp M T B, xã M Q, thị xã N N, tỉnh Sóc Trăng

- ***Bị đơn***: 1. Bà **Kiên Ngọc T**, sinh năm 1978. (vắng mặt)

2. Ông **Phạm Phước Q** , sinh năm 1976. (xin vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp , xã C S, huyện C L, tỉnh Tiền Giang

-***Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan***:

1. Bà Phạm Thị T3, sinh năm 1968 (xin vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp , xã C S, huyện C L, tỉnh Tiền Giang.

2. Bà Nguyễn Thị Bé H1 , sinh năm 1970 (xin vắng mặt)

3. Bà Nguyễn Thị Ánh H2, sinh năm 1969 (xin vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp H T, xã H Đ, huyện C L, tỉnh Tiền Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***- Theo đơn khởi kiện ngày 08/8/2022, đơn khởi kiện sửa đổi bổ sung ngày 31/10/2023, các tờ tự khai và tại phiên tòa hôm nay đại diện ủy quyền của nguyên đơn anh Nguyễn Văn L trình bày*:** Do quen biết, vào năm 2021 và năm 2022 vợ chồng bà Kiên Ngọc T, ông Phạm Phước Q nhiều lần mượn tiền của anh D cụ thể:

+ Ngày 06/5/2021 mượn 200.000.000đ, làm biên nhận thỏa thuận 03 tháng trả.

+ Ngày 10/10/2021 mượn 250.000.000đ làm biên nhận thỏa thuận ngày 12/02/2021 trả.

+ Ngày 10/10/2021 mượn 700.000.000đ, làm biên nhận thỏa thuận mỗi tháng trả 50.000.000đ trong 14 tháng, sau đó trả được 100.000.000đ còn lại 600.000.000đ cấn trừ số tiền bà Nguyễn Thị Bé H1 170.000.000đ, bà Phạm Thị H2 210.000.000đ, nên theo biên nhận này bà T ông Q còn nợ lại 220.000.000đ.

+ Ngày 15/6/2022 mượn 50.000.000đ, làm biên nhận khi nào cần báo trước sẽ trả đủ.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bà T không thừa nhận biên nhận ngày 06/5/2021 mượn 200.000.000đ, Tòa án đã tiến hành giám định chữ ký và chữ viết của bà T do không đủ tài liệu để giám định nên không giám định được.

Nay anh Nguyễn Q D yêu cầu bà Kiên Ngọc T và ông Phạm Phước Q trả số tiền 520.000.000đ làm một lần. Rút lại yêu cầu khởi kiện theo biên nhận ngày 06/5/2021 đối với số tiền 200.000.000đ.

- Bị đơn bà Kiên Ngọc T vắng mặt, theo các bản tường trình ngày 17/10/2022; ngày 15/11/2022, quá trình làm việc tại Tòa án bà T trình bày: Bà T là chủ thảo hụi, bà Lê Thị T3 là hụi viên tham gia chơi hụi, hụi bể nên nợ bà T3 50 phần hụi ngày số tiền vốn 137.250.000đ, dây hụi tháng 5.000.000đ khui ngày 26/4/2020 âm lịch nợ 102.500.000đ, ngoài ra trong thời gian từ năm 2020 đến năm 2021 có vay bà T3 tổng cộng 250.000.000đ không có làm giấy tờ gì, có đăng lãi đủ, đến năm 2021 bà T3 yêu cầu bà T làm biên nhận nợ số tiền 250.000.000đ cho con trai là anh D vào ngày 10/10/2021, các biên nhận anh D cung cấp thì biên nhận ngày 06/5/2021 mượn 200.000.000đ bà T không viết và ký tên, biên nhận ngày 15/6/2022 bà T3 nhờ bà T ký tên để kiện những

người khác, số tiền nợ hụi và nợ vay này bà và bà T3 thỏa thuận cấn trừ qua nợ của bà Ánh H2, bà Bé H, chị D bằng cách giao cho bà T3 nhận tiền của những người này, khi cấn trừ có mặt bà T, bà T3, bà Ánh H2, Bé H1, chị D.

Nay bà Kiên Ngọc T không đồng ý yêu cầu của anh Nguyễn Q D.

- Theo từ tự khai, đơn xin vắng mặt ngày 24/10/2022 bị đơn ông Phạm Phước Q trình bày: Bà T chơi hụi, mượn tiền của bà Lê Thị T3 là mẹ của anh Nguyễn Q D, ông Q hoàn toàn không biết gì, nay anh D kiện vợ chồng ông cùng trả nợ, ông Q không đồng ý vì không ký biên nhận mượn tiền của anh D, vợ ông mượn nợ thì có trách nhiệm trả, ông không liên quan đến.

- Theo bản tự khai, đơn xin vắng mặt ngày 24/11/2022 bà Phạm Thị T3 trình bày: Anh Nguyễn Q D kiện bà Kiên Ngọc T và ông Phạm Phước Q tiền mượn bà không có ý kiến gì, theo biên nhận anh D cung cấp không có tên bà, bà không tranh chấp trong vụ án.

- Theo bản tự khai, đơn xin vắng mặt ngày 24/11/2022 bà Nguyễn Thị Bé H1 trình bày: anh D kiện bà Kiên Ngọc T và ông Phạm Phước Q bà không có ý kiến gì, theo thỏa thuận các bên, do bà nợ bà T số tiền 170.000.000đ nên bà T cấn trừ qua cho anh D, bà đã trả cho anh D số tiền 170.000.000đ xong, bà không tranh chấp trong vụ án.

- Theo bản tự khai, đơn xin vắng mặt ngày 24/11/2022 bà Nguyễn Thị Ánh H2 trình bày: Anh Nguyễn Q D kiện bà Kiên Ngọc T và ông Phạm Phước Q bà không có ý kiến gì, theo thỏa thuận các bên, do bà nợ bà T số tiền 210.000.000đ nên bà T cấn trừ qua cho anh D và bà đồng ý trả cho anh D 210.000.000đ, bà không tranh chấp trong vụ án này.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán trong quá trình từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử thực hiện đúng theo quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, tư cách của người tham gia tố tụng, tuân thủ theo đúng quy định Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Theo các tài liệu thể hiện trong hồ sơ và tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhận thấy, nguyên đơn yêu cầu bà Kiên Ngọc T và ông Phạm Phước Q trả số tiền 520.000.000đ, nguyên đơn cung cấp các biên nhận ngày 10/10/2021 bà T mượn của anh D số tiền 700.000.000đ, đã được cấn trừ bà Nguyễn Thị Bé H1 210.000.000đ, bà Nguyễn Thị Ánh H2 170.000.000đ nên còn nợ lại 220.000.000đ, biên nhận ngày 10/10/2021 bà T mượn của anh D số tiền 250.000.000đ, biên nhận ngày

15/6/2022 bà T mượn 50.000.000đ các biên nhận bà Kiên Ngọc T ký tên, bị đơn cho rằng đã cấn trừ nợ xong nên không đồng ý theo yêu cầu của nguyên đơn, tuy nhiên không có chứng cứ chứng minh; Các biên nhận ông Phạm Phước Q cho rằng không ký tên nên không đồng ý theo yêu cầu nguyên đơn nhưng bà T và ông Q có quan hệ vợ chồng, nợ phát sinh trong thời kỳ hôn nhân, ngoài ra biên nhận ngày 15/6/2022 có nội dung, mục đích mượn tiền làm ăn và chăm lo cho cuộc sống gia đình nên có căn cứ buộc ông Q có trách nhiệm cùng bà T trả tiền cho anh D là phù hợp với điều 27 Luật hôn nhân và gia đình. Nguyên đơn rút lại yêu cầu bà T, ông Q trả số tiền 200.000.000đ theo biên nhận ngày 06/5/2021 phù hợp quy định tại Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

- Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án của Tòa án: Bị đơn bài Kiên Ngọc T, ông Phạm Phước Q cư trú tại xã C S, huyện C L, tỉnh Tiền Giang, do đó tranh chấp hợp đồng vay tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn bà Kiên Ngọc T đã được Tòa án tống đạt giấy triệu tập hợp lệ nhiều lần để xét xử nhưng vắng mặt không lý do, nên Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt theo quy định khoản 2 điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Bị đơn ông Phạm Phước Q ; Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị T3, Nguyễn Thị Bé H1 , Phạm Thị Ánh H2 có đơn xin vắng mặt nên Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt đương sự theo quy định khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Đại diện nguyên đơn trình bày, do quen biết vợ chồng bà T, ông Q mượn tiền của anh D nhiều lần, bà T làm biên nhận cụ thể: Ngày 06/5/2021 mượn 200.000.000đ thỏa thuận 03 tháng trả, ngày 10/10/2021 mượn 250.000.000đ thỏa thuận ngày 12/02/2021 trả, ngày 10/10/2021 mượn 700.000.000đ biên nhận này các bên thỏa thuận mỗi tháng trả 50.000.000đ trong 14 tháng, sau đó trả được 100.000.000đ còn lại

600.000.000đ bà T, anh D thỏa thuận cấn trừ tiền bà Bé H1, bà Hồng nợ tiền của bà T, bằng cách bà Bé H1 170.000.000đ cho anh D, bà Hồng 210.000.000đ cho anh D nên biên nhận này bà T, ông Q còn nợ lại 220.000.000đ, ngày 15/6/2022 mượn 50.000.000đ thỏa thuận khi cần báo trước, tổng cộng bà T, ông Q nợ anh D là 720.000.000đ, đối với biên nhận 200.000đ mượn ngày 06/5/2021 do bà T không thừa nhận và không đủ tài liệu để giám định nên anh D rút yêu cầu đối với biên nhận này, nay yêu cầu bà Kiên Ngọc T và ông Phạm Phước Q trả số tiền 520.000.000đ. Bị đơn bà T vắng mặt không lý do, theo các bản tường trình ngày 17/10/2022; ngày 15/11/2022 bà T trình bày, bà T3 mẹ của anh D tham gia chơi hụi, do bà T làm chủ thảo, hụi bể còn nợ bà T3 50 phần hụi ngày số tiền vốn 137.250.000đ, dây hụi tháng 5.000.000đ khui ngày 26/4/2020 âm lịch nợ 102.500.000đ, ngoài ra có vay của bà T3 250.000.000đ không có làm giấy tờ, đăng lãi đủ, đến ngày 10/10/2021 bà T3 yêu cầu làm biên nhận số tiền 250.000.000đ cho D con bà T3, các biên nhận anh D cung cấp, đối với biên nhận ngày 06/5/2021 bà T không viết và ký tên, biên nhận ngày 15/6/2022 bà T3 nhờ bà T ký tên để bà kiện những người khác, số tiền hụi, tiền vay bà T nợ bà T3, bà và bà T3 thỏa thuận cấn trừ qua bà Hồng, bà Hai, chị D nợ tiền bà T bằng cách giao cho bà T3 nhận tiền của những người này, khi cấn trừ có mặt bà T, bà T3, bà Ánh H2, Bé H1, chị D, nay bà T không đồng ý yêu cầu của anh D; Đồng bị đơn ông Phạm Phước Q có đơn xin vắng mặt, theo tờ tự khai ngày 24/10/2022 anh trình bày, bà T chơi hụi, mượn tiền của bà T3 là mẹ của anh Nguyễn Q D, ông Q hoàn toàn không biết gì, nay không đồng ý theo yêu cầu của nguyên đơn; Người có quyền và nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị T3 có đơn xin vắng mặt, theo bản tự khai ngày 24/11/2022 bà trình bày: Anh D kiện bà T và ông Q bà không có ý kiến gì, theo biên nhận anh D cung cấp không có tên bà, bà không tranh chấp trong vụ án; Bà Nguyễn Thị Bé Hcó đơn xin vắng mặt, theo bản tự khai ngày 24/11/2022 bà trình bày: Anh D kiện bà T và ông Q bà không có ý kiến gì, bà nợ tiền bà T, bà T cấn trừ qua anh D, bà đã trả cho anh D số tiền 170.000.000đ xong, bà không tranh chấp trong vụ án này; Bà Nguyễn Thị Ánh H2 có đơn xin vắng mặt, theo bản tự khai ngày 24/11/2022 bà trình bày: anh D kiện bà T và ông Q, bà không có ý kiến gì, theo thỏa thuận giữa các bên, bà nợ tiền bà T, bà T cấn trừ qua anh D số tiền 210.000.000đ, bà đồng ý, bà không tranh chấp trong vụ án này. Hội đồng xét xử xét thấy hợp đồng vay tài sản giữa các đương sự phát sinh theo Điều 463 của Bộ luật dân sự.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, yêu cầu bà Kiên Ngọc T và ông Phạm Phước Q trả số tiền 520.000.000đ làm một lần, chứng cứ nguyên đơn cung cấp là các biên nhận ngày 10/10/2021 bà T mượn của anh D số tiền 700.000.000đ, ngày 10/10/2021 bà T mượn của anh D số tiền 250.000.000đ, ngày 15/6/2022 bà T mượn 50.000.000đ,

các biên nhận thể hiện bà Kiên Ngọc T ký tên, tuy nhiên bà T cho rằng, bà T3 mẹ của anh D tham gia chơi hụi do bà T làm chủ thảo, hụi bể nên còn nợ bà T3 50 phần hụi ngày số tiền vốn là 137.250.000đ, dây hụi tháng 5.000.000đ nợ số tiền vốn 102.500.000đ và 250.000.000đ bà vay của bà T3 nhưng làm biên nhận nợ cho anh D ngày 10/10/2021, biên nhận ngày 06/5/2021 bà không viết và ký tên, biên nhận ngày 15/6/2022 bà T3 nhờ ký tên để kiện người khác, số tiền nợ hụi và nợ vay này bà T3 và bà thỏa thuận cấn trừ qua bà H2, bà H1, chị D xong; Bà T3 xác định, bà T nợ tiền anh D, không liên quan đến bà, bà T cung cấp chứng cứ là USB trong đó có nội dung hình ảnh và âm thanh về cuộc đối đáp qua lại giữa bà T3, bà T và bà Thủy nhưng nội dung không thể hiện rõ số tiền anh D khởi kiện bà T, Tòa án đã quy định thời gian cho các đương sự cung cấp chứng cứ họ tên bà T4 nhưng không cung cấp và bà T không có chứng cứ gì khác chứng minh cho lời trình bày của bà do đó xác định quan hệ vay tài sản là giữa anh D và bà T; Đối với số tiền cấn trừ, bà T cho rằng đã cấn trừ cho bà H1, bà H2, chị D tuy nhiên số tiền cấn trừ cụ thể là bao nhiêu bà T không xác định rõ, bà H1, bà H2, anh D thừa nhận cấn trừ bà Bé H1 210.000.000đ, cấn trừ bà H2 170.000.000đ và anh D xác định tiền bà Bé H1, bà H2 cấn trừ vào theo biên nhận 700.000.000đ ngày 10/10/2021, Tòa án đã quy định thời gian cho các đương sự cung cấp chứng cứ họ tên chị Lê Thị D nhưng không cung cấp, bà T cũng không có văn bản trình bày ý kiến về chứng cứ nguyên đơn cung cấp là biên nhận ngày 10/10/2021 bà T mượn anh D số tiền 700.000.000đ nên lời khai của nguyên đơn là có căn cứ; Đối với yêu cầu vợ chồng bà T, ông Q trả số tiền 520.000.000đ, ông Q cho rằng ông không liên quan nên không đồng ý theo yêu cầu anh D, xét thấy mặc dù các biên nhận ông Q không ký tên nhưng bà T, ông Q là vợ chồng, sống cùng nhà, nợ phát sinh trong thời kỳ hôn nhân, bà T làm chủ thảo hụi, quá trình hoạt động các dây hụi qua nhiều năm, ông Q cho rằng không liên quan là không cơ sở, ngoài ra theo biên nhận ngày 15/6/2022, trong đó thể hiện nội dung, mục đích mượn tiền làm ăn và chăm lo cho cuộc sống gia đình nên có căn cứ buộc ông Q có trách nhiệm liên đới cùng bà T trả tiền cho anh D là phù hợp với điều 27 Luật hôn nhân và gia đình. Bị đơn bà T được Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng vắng mặt không lý do, xem như tự từ bỏ quyền bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Từ những nhận định trên, xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ được chấp nhận.

[4] Nguyên đơn anh Nguyễn Q D rút lại yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 200.000.000đ theo biên nhận ngày 06/5/2021, đây là sự tự nguyện của đương sự phù hợp quy định tại Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự nên được chấp nhận.

[5] Xét lời đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên toà phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[6] Về án phí: Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Q D nên bà Kiên Ngọc T, ông Phạm Phước Q phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ Luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1, 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều Điều 228, Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 288, 463 của Bộ luật dân sự; Điều 27 của Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Q D.

1.1 Buộc bà Kiên Ngọc T, ông Phạm Phước Q liên đới trả cho anh Nguyễn Q D số tiền 520.000.000đ (năm trăm hai mươi triệu đồng).

1.2 Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu bà Kiên Ngọc T, ông Phạm Phước Q trả số tiền 200.000.000đ (hai trăm triệu đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì hàng tháng còn phải chịu thêm tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015 tương ứng với số tiền và khoảng thời gian chậm thi hành án.

2. Về án phí:

- Bà Kiên Ngọc T, ông Phạm Phước Q phải chịu 24.800.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Hoàn lại cho anh Nguyễn Q D số tiền 18.000.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo các biên lai thu tạm ứng án phí số 0016738 ngày 10/10/2022 và biên lai thu số 0016882 ngày 01/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cai Lậy.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 02 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

<u>Nơi nhận</u>:
- *TAND tỉnh Tiền Giang;*
- *VKSND huyện Cai Lậy;*
- *Chi Cục THADS huyện Cai Lậy;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Kim Ngọc

TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CAI LẬY** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi…..giờ …..ngày … tháng … năm 2023.

Tại phòng nghị án Toà án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

Với Hội đồng xét xử dân sự sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà NGUYỄN KIM NGỌC

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Hiền

2. Bà Nguyễn Thị Kim Hạnh

Tiến hành nghị án vụ án dân sự thụ lý số 492/2022/TLST-DS ngày 10 tháng 10 năm 2022 về việc: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn***: Anh Nguyễn Q D, sinh năm 1998.
Địa chỉ: Ấp , xã C S, huyện C L, tỉnh Tiền Giang.
Ủy quyền: Anh Nguyễn Văn Lực, sinh năm 1992. (có mặt)
Địa chỉ: Ấp M T B, xã M Q, thị xã N N, tỉnh Sóc Trăng
- ***Bị đơn***: Chị Kiên Ngọc T, sinh năm 1978. (vắng mặt)
Anh Phạm Phước Q , sinh năm 1976. (xin vắng mặt)
Địa chỉ: Ấp , xã C S, huyện C L, tỉnh Tiền Giang
-***Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan***:
1. Bà Phạm Thị T3, sinh năm 1968 (xin vắng mặt)
Địa chỉ: Ấp , xã C S, huyện C L, tỉnh Tiền Giang.
2. Bà Nguyễn Thị Bé H1 , sinh năm 1970 (xin vắng mặt)
Địa chỉ: Ấp H T, xã H Đ, huyện C L, tỉnh Tiền Giang.
3. Nguyễn Thị Ánh H2, sinh năm 1969 (xin vắng mặt)
Địa chỉ: Ấp H T, xã H Đ, huyện C L, tỉnh Tiền Giang.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU:

Sau khi xem xét các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên toà, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, ý kiến của những người tham gia tố tụng tại phiên toà. Hội đồng xét xử thảo luận về những vấn đề cần phải giải quyết trong vụ án như sau:

I. Về quan hệ pháp luật tranh chấp**: - Kết quả biểu quyết: 3/3.**

"Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản".

II. Về điều luật áp dụng**: - Kết quả biểu quyết: 3/3.**

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1, 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463, 466 của Bộ luật dân sự; Điều 27 của Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

III. Về nội dung: **- Kết quả biểu quyết: 3/3.**

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Q D.

1.1 Buộc chị Kiên Ngọc T, anh Phạm Phước Q số tiền 520.000.000đ (năm trăm hai mươi triệu đồng)

1.2 Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu chị Kiên Ngọc T, anh Phạm Phước Q trả số tiền 200.000.000đ (hai trăm triệu đồng) theo biên nhận ngày 06/5/2021.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì hàng tháng còn phải chịu thêm tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015 tương ứng với số tiền và khoảng thời gian chậm thi hành án.

2. Về án phí:

- Chị Kiên Ngọc T, anh Phạm Phước Q phải chịu 24.800.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Hoàn lại cho anh Nguyễn Q D số tiền 18.000.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo các biên lai thu tạm ứng án phí số 0016738 ngày 10/10/2022 và biên lai thu số 0016882 ngày 01/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cai Lậy.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Tiền Giang;*
- *VKSND huyện Cai Lậy;*
- *Chi Cục THADS huyện Cai Lậy;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Kim Ngọc